TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2018
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Nguyễn Hoài D, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số N/1, K3, thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn: Văn Thị Thùy L, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã LST, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2017, bản khai bổ sung ngày 22/11/2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Hoài D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoài D và bị đơn Văn Thị Thùy L thành hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện. Thời gian chung sống được 04 năm, quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau hiện anh, chị không còn chung sống với nhau.

Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với chị L.

Về nuôi con : Vợ chồng có 01 con chung Văn Bão Đan N, sinh ngày 07/01/2016 hiện đang sống với chị L, nay anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án và gửi các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho chị L đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía chị L không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của anh D và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải,nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa anh D, chị L, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự đến tham gia phiên toà nhiều lần nhưng bị đơn chị L vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không lý

do, bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho nguyên đơn anh D được ly hôn với bị đơn chị L; con chung tiếp tục giao chị L nuôi con Văn Đan Bão N, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở. Án phí anh D nộp 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, anh D không phải nộp tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoài D làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn Văn Thị Thùy L và yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, nuôi con " vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự

Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân : Nguyên đơn anh Nguyễn Hoài D và bị đơn chị Văn Thị Thùy L thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẩn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn

với chị L. Phía chị L đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng chị L không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về việc xin ly hôn của anh D và không đến Toà án giải quyết việc kiện với anh D. Điều này, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn với chị L là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Anh, chị có 01 con chung Văn Bão Đan N, sinh ngày 07/01/2016 đang sống với chị L, xét việc nuôi con của chị L vẫn đảm bảo có đủ điều kiện để nuôi con, từ lúc vợ chồng không chung sống đến nay cháu N trực tiếp sống với chị L nên tiếp tục giao con chung Văn Bão Đan N cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp các điều 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không trình bày ý kiến của mình về việc yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản: Anh D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Anh D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh D phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 đồng, anh D không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên anh Nguyễn Hoài D. Xử cho nguyên đơn Nguyễn Hoài D được ly hôn với bị đơn Văn Thị Thùy L.

2. Về nuôi con: Tiếp tục giao con chung Văn Đan Bão N, sinh ngày 07/01/2016 cho chị L nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hoài D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) anh D đã nộp theo biên lai thu số 0014176 ngày 24/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, anh D không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- UBND thị trấn TO (giấy kết hôn số 83 ngày 12/12/2013
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Văn Điều